

Số: 11/2019/DS-PT

Ngày: 22/01/2019

V/v: yêu cầu mở lối đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Bùi Thế Xương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2018/TLPT-DS ngày 25/12/2018 về yêu cầu mở lối đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2018/DS-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2018/QĐ-PT ngày 08/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Nguyễn Thái M, sinh năm: 1955;

2. Bà Nguyễn Thu Th, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: Số nhà 19C/1, ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thu Th ủy quyền cho ông Nguyễn Thái M. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2014).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Quốc Đ – Trợ giúp viên Trung tâm tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Út L, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Ấp ĐT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1935;

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1937;
Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
3. Chị Huỳnh Thị Ph, sinh năm: 1970;
Địa chỉ: Ấp Phước Hậu, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
4. Bà Đặng Thị K, sinh năm: 1934;
Địa chỉ: Số nhà 15/1, ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
5. Anh Võ Văn Th, sinh năm: 1975;
Địa chỉ: Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
6. Chị Lê Thị Hồng Y, sinh năm: 1975;
7. Chị Huỳnh Thị Hồng D, sinh năm: 1994;
8. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1975;
Cùng địa chỉ: Ấp Phước Hậu, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
9. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1954;
Địa chỉ: Ấp Chánh Đông, xã Tiên Thủy, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
10. Ông Lê Văn T, (Bảy Kẹo), sinh năm: 1955;
Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã Hữu Định, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
11. Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm: 1959;
Địa chỉ: Ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
12. Bà Huỳnh Thị Mỹ L, (Lẹ), sinh năm: 1966;
Địa chỉ: Ấp Phước Hậu, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
13. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1974;
14. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1971;
Địa chỉ: Ấp ĐT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
15. Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
16. Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1977;
Địa chỉ: Ấp ĐT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
17. Ông Lương Văn D, sinh năm: 1962;
Địa chỉ: Ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
- (Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều từ chối tham gia tố tụng,
yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).
- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Út L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

*Nguyên đơn ông Nguyễn Thái M cũng là người đại diện hợp pháp của
nguyên đơn bà Nguyễn Thu Th trình bày:*

Vào năm 2004, gia đình ông M, bà Th về cất nhà trên phần đất thuộc thửa số 2446, tờ bản đồ số 1, (thửa mới là thửa số 78, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thu Th đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất này là của ông Nguyễn Đình Chi, là cha của bà Th, cho bà Th canh tác từ trước nhưng đến năm 2006 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi về sinh sống trên đất này, lúc đầu ông M, bà Th sử dụng con rạch của ông Nguyễn Thành Thái, là em vợ của ông M, để làm lối đi ra vào. Đến ngày 04/01/2008, gia đình ông M mâu thuẫn với ông Thái nên ông Thái không cho gia đình ông M sử dụng lối đi này nữa. Ngày 09/02/2008, ông M và ông Nguyễn Văn Ch, cha của ông Nguyễn Văn Út L, là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 79 và 92, tờ bản đồ số 1, là phần đất liền kề với phần đất của bà Nguyễn Thu Th, thỏa thuận cho gia đình ông M mở lối đi ngang qua phần đất của ông Nguyễn Văn Út L có chiều ngang 01m, chiều dài 70m, hàng tháng ông M phải gánh dừa cho ông Ch và ông Ch không trả tiền công cho ông M. Việc thỏa thuận nêu trên hai bên thực hiện thuận lợi nhiều năm. Thời điểm này ông Ch quản lý phần đất này. Sau đó trong lúc gánh dừa ông M bị té cầu gãy chân thương, tiếp đó ông M bị tai nạn giao thông gãy chân không tiếp tục gánh dừa được nên ông Ch rào lối đi không cho ông M, bà Th tiếp tục đi trên phần đất của ông Út L. Việc rào lối đi của này đã gây khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày của gia đình ông, đặc biệt là vận chuyển huê lợi từ vườn ra ngoài để bán. Nay ông M, bà Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CT giải quyết buộc thuộc một phần thửa 79-1, tờ bản đồ số 1 có diện tích là 12,3m²; thửa 92-1, tờ bản đồ số 1 có diện tích là 85,2m² (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 20/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT). Tổng cộng diện tích ông yêu cầu là 97,5m², tọa lạc tại Ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Ông M không yêu cầu ông Ch mở lối đi. Ông M, bà Th đồng ý trả giá trị phần lối đi ông yêu cầu mở theo giá quy định của Nhà nước. Lối đi ông M yêu cầu mở ở vị trí cặp hàng rào, mé vườn của ông Út L chứ không phải ở giữa vườn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Út L trình bày:

Trước đây năm 2004, gia đình ông M về cất nhà ở trên đất gần đất ông Út L. Thời điểm đó ông M đi qua lối đi trên đất của ông Nguyễn Thành Thái. Sau đó ông Thái không cho đi nên ông Ch cho ông M đi nhờ trên đất của ông Út L hiện nay nhưng thời điểm ông Ch cho ông M đi là đất ông Nguyễn Văn Út Nhỏ đứng tên và ông Út L không biết ông Ch cho ông M đi qua đất của ông. Phần lối đi có chiều ngang 01m, chiều dài 50m thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Út L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu mở lối đi của ông M, bà Th, ông Út L không đồng ý vì đây không phải lối đi. Tại phần đất mở lối đi không có công trình kiến trúc gì. Ông Ch, bà Ng là cha mẹ của ông Út L và ở trên phần đất khác của ông Ch, ông là người trực tiếp

canh tác trên đất. Do ông Út L đi làm nên nhờ anh em ông Út L rào phần đất này lại, việc rào đất này là ý chí của ông.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Phần lời đi ông M, bà Th yêu cầu mở là ông ông Út L đứng tên, trên đất không có nhà cửa. Bà và ông Ch ở trên phần đất khác do ông Ch đứng tên. Trước đây đất này của ông Ch nên ông Ch cho đi nhưng nay đất đã được sang tên cho các con, ông Nguyễn Văn Út L, nên việc cho đi hay không là quyền của ông Út L bà không có ý kiến gì. Việc rào lối đi này là do ý kiến, quyết định của ông Út L. Ông Ch và bà chỉ tới lui trông nom dùm ông Út L. Việc ông M trình bày ông Ch cho ông M đi nhờ với điều kiện ông M gánh dùm ông Ch không trả tiền công là không có. Ông M xin gánh dùm của ông M qua phần đất của ông Út L, nếu ông M có gánh dùm cho ông Ch cũng thỉnh thoảng chứ không phải lúc nào cũng gánh.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Dứt, chị Huỳnh Thị Phấn, bà Đặng Thị Kim, anh Võ Văn Thôi, chị Huỳnh Thị Hồng Duyên, anh Huỳnh Văn Tươi, ông Huỳnh Văn Quân, ông Lê Văn Tám (Bảy Kẹo), chị Huỳnh Thị Mỹ Lệ, chị Huỳnh Thị Mỹ Lệ (Lệ), chị Nguyễn Thị Ngọc Loan, chị Huỳnh Ngọc Thùy, anh Nguyễn Ngọc Biết trình bày:

Lối đi ông M, bà Th yêu cầu Tòa án mở lối đi từ phần đất của ông Nguyễn Văn Út L ra đến đường huyện lộ CT 01 có qua phần đất của các anh chị, ông bà. Lối đi qua phần đất của những người có tên nêu trên không phải là lối đi công cộng mà còn nằm trong phần đất các anh chị, ông bà trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ông Liêm, bà Loan, ông Hiếu không đồng ý cho ông M, bà Th đi qua còn những người khác đồng ý tiếp tục cho ông M, bà Th sử dụng lối đi qua phần đất của họ. Các ông bà, anh chị nêu trên từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án số 54/2018/DS-ST ngày 17/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 26, 35, 157, 158, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th. Buộc ông Nguyễn Văn Út L phải mở lối đi cho ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th trên phần đất thửa 79, 92 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Út L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 97,5m². Cụ thể:

- Phần lối đi được mở trên thửa đất số 79, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Út L đứng tên trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, được ký hiệu trên họa đồ là thửa 79-1, diện tích 12,3m² có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp phần còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 1,5m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 1,5m;

Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thu Th và ông Nguyễn Thành Thái dài 4,79m+3,44m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 7,98m.

- Phần lối đi được mở trên thửa đất số 92 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Út L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được ký hiệu trên họa đồ là thửa 92-1, diện tích 85,2m² có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp phần đất mở lối đi thửa 79-1 của ông Nguyễn Văn Út L dài 1,5m;

Hướng Tây giáp đất còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 31,01m;

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Thành Thái dài 32,39m;

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 24,43m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Lê Văn Tám dài 25,46m;

Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Lệ Hoa dài 1,03m + 0,67m.

(có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th có trách nhiệm tự đi dời cây trồng, san lấp để tạo lối đi.

2. Ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất mở lối đi, công trình kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Văn Út L số tiền là 24.433.000đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng).

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2015/QĐ-BPKCTT ngày 12/02/2015 và số 190/2015/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/10/2018 ông Nguyễn Văn Út L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Út L mở lối đi.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: theo họa đồ hiện trạng thửa đất của vợ chồng ông M, bà Th thì bị bao bọc bởi các thửa đất khác. Ông Út L cho rằng ông M có thể đi qua đất ông Thái. Tuy nhiên, ông Thái không đồng ý cho ông M đi

qua. Trước đây cha ông Út L có cho ông M đi qua đất. Theo xác minh của cấp sơ thẩm và người làm chứng của phía bị đơn thì ngoài lối đi tranh chấp phía ông M không có lối đi nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế thuộc một phần thửa 79-1, tờ bản đồ số 1 có diện tích là 12,3m²; thửa 92-1, tờ bản đồ số 1 có diện tích là 85,2m², tổng cộng diện tích là 97,5m², tọa lạc tại ấp PT, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng ông M yêu cầu mở lối đi, ông Út L không đồng ý vì theo ông thì còn có lối đi khác, không nhất thiết phải đi qua đất của ông và nếu buộc phải mở lối đi thì ông Út L yêu cầu phải mở sao cho hợp lý nhất. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy:

Căn cứ vào bản đồ hiện trạng sử dụng đất thì thửa đất số 2446 tờ bản đồ số 1 của vợ chồng bà Th, ông M không giáp với đường công cộng mà bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề khác. Cụ thể là hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Bé Tư và đất ông Nguyễn Công Dũng; hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Thành Thái; hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Hiếu và hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Út L. Các bên đương sự đều thừa nhận trước đây ông M, bà Th đã sử dụng lối đi qua đất của ông Nguyễn Thành Thái để đi ra lộ công cộng. Sau này ông Thái rào lại nên ông M không thể sử dụng lối đi này nữa. Theo biên bản xác minh của cấp sơ thẩm thì hiện nay vợ chồng ông M, bà Th không có lối đi nào khác ngoài lối đi đang tranh chấp. Bên cạnh đó, lời khai của những người làm chứng thống nhất với lời trình bày của ông M là trước đây ông M đã sử dụng lối đi tranh chấp và ngoài lối đi này thì gia đình ông M không có lối đi nào khác.

Ông Út L cho rằng nguyên đơn có lối đi khác qua đất ông Thái tuy nhiên lối đi qua đất ông Thái không còn sử dụng được nữa. Sau khi ông Thái rào đất thì ông Nguyễn Văn Ch, cha của ông Út L là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thỏa thuận cho gia đình ông M, bà Th mở lối đi ngang qua phần đất của ông Út L có chiều ngang 01m, chiều dài 70m. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M mở lối đi có tổng diện tích 97,5m² là có căn cứ. Lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở là lối đi thuận tiện, hợp lý nhất và thiệt hại gây ra là ít nhất cho phía ông Út L.

Do đó kháng cáo của ông Út L là không có căn cứ. Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Út L chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Út L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2018/DS-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 26, 35, 157, 158, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th. Buộc ông Nguyễn Văn Út L phải mở lối đi cho ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th trên phần đất thửa 79, 92 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Út L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 97,5m². Cụ thể:

- Phần lối đi được mở trên thửa đất số 79, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Út L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được ký hiệu trên họa đồ là thửa 79-1, diện tích 12,3m² có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp phần còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 1,5m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 1,5m;

Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thu Th và ông Nguyễn Thành Thái dài 4,79m+3,44m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 7,98m.

- Phần lối đi được mở trên thửa đất số 92 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Út L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được ký hiệu trên họa đồ là thửa 92-1, diện tích 85,2m² có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp phần đất mở lối đi thửa 79-1 của ông Nguyễn Văn Út L dài 1,5m;

Hướng Tây giáp đất còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 31,01m;

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Thành Thái dài 32,39m;

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn Út L dài 24,43m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Lê Văn Tám dài 25,46m;

Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Lệ Hoa dài 1,03m + 0,67m.

(có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th có trách nhiệm tự đi dời cây trồng, san lấp để tạo lối đi.

2. Ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất mở lối đi, công trình kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Văn Út L số tiền là 24.433.000đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng).

3. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2015/QĐ-BPKCTT ngày 12/02/2015 và số 190/2015/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện CT.

4. Chi phí tố tụng:

Ghi nhận ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thu Th đồng ý chịu $\frac{1}{2}$ số tiền đo đạc, định giá là 2.454.000 đồng (đã nộp xong).

Ông Nguyễn Văn Út L phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thái M, bà Nguyễn Thu Th số tiền chi phí đo đạc, định giá là 2.454.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thái M được miễn.

Bà Nguyễn Thu Th phải chịu 611.000đ (sáu trăm mười một ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí số tiền là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001649 ngày 13/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thu Th còn phải nộp số tiền 411.000đ (bốn trăm mười một ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Út L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020506 ngày 30/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cũa

Huỳnh Ngọc Dũng

